

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 01- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN E
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Văn Vĩnh

- Bà Kim Thị Sà Mết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Văn B, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1. Bà Quách Thị D, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị D là ông Quách Văn B, theo văn bản

ủy quyền ngày 16/11/2021 (có mặt).

3.2. Bà Lê Kim E, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Quách Văn B, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị D trình bày: Vào năm 2019, ông có giao dịch bán lúa với ông Nguyễn Quốc C, ông với ông C đã giao dịch mua bán lúa từ nhiều năm nay. Như vậy, vào năm 2019, ông kêu ông C tiếp mua lúa 42 của ông, vì ông C không có tiền mặt nên hai bên thỏa thuận mua thiếu, khi nào ông C bán được lúa sẽ trả tiền lại cho ông.

Ông B bán tổng số lúa 54.775kg, giá 5.000 đồng/kg, thành tiền 273.875.000 đồng. Sau đó ông C thanh toán cho ông được số tiền 156.000.000 đồng, còn nợ lại 117.857.000 đồng theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải trách nhiệm dân sự tại Công an huyện A ngày 02/10/2020. Lý do, ông C mua lúa của ông nhưng không thanh toán nên ông có khiếu nại tại cơ quan điều tra Công an huyện A. Cơ quan điều tra xác định không có dấu hiệu hình sự, hai bên thống nhất ông C còn nợ ông số tiền 117.857.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 7.000.000 đồng, ông C đã trả được 24.500.000 đồng. Tính đến ngày 08/4/2021 ông C còn nợ ông số tiền 93.375.000 đồng. Việc mua bán đều thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ.

Số tiền 93.375.000 đồng là nợ chung của ông C, bà E. Vì ông C và bà E vẫn đang sống chung với nhau, vợ chồng vẫn làm kinh tế chung, lợi ích có được từ việc mua lúa của ông C là để phục vụ chung gia đình, mặc dù bà E không trực tiếp giao dịch. Do đó, ông B yêu cầu bà E cùng ông C có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông B số tiền 93.375.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 08/4/2021 đến ngày ông C và bà E thanh toán hết nợ cho vợ chồng ông, lãi suất 0,83%/tháng.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị D đã ủy quyền cho ông cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông B, không bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án: Ông thống nhất việc trình bày của ông B về việc ông có giao dịch mua bán lúa với ông B, hiện nay ông còn nợ ông B số tiền 93.375.000 đồng. Ông C xác định đây là nợ riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Lê Kim E, ông đồng ý trả cho ông B số tiền 93.375.000 đồng, không đồng ý trả lãi, vì ông mua lúa của ông B bán lại bị lỗ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim E trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại nhà bà Lê Kim E: Bà và ông C xây dựng hôn nhân hơn 20 năm nay, có đăng ký kết hôn, bà chỉ làm nội trợ không tạo ra thu nhập, hiện nay vợ chồng bà vẫn chung sống với nhau. Ông C là trụ cột kinh tế gia đình. Ông C làm nghề mua bán lúa hơn 10 năm nay, lợi nhuận có được từ việc mua bán lúa phục vụ cho gia đình. Do bà không cùng ông C trực tiếp giao dịch mua bán lúa với ông B nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu bà cùng ông C có trách nhiệm thanh toán tiền mua bán lúa còn thiếu. Ngoài ra, bà E không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn Ba thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông C, bà E; buộc ông C, bà E có trách nhiệm thanh toán cho ông B, bà D tiền mua lúa còn thiếu là 93.375.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 0,83%/tháng từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất chậm thanh toán đến khi trả xong nợ.

Về án phí ông C, bà E phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 10 năm 2021, ông Quách Văn B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Nguyễn Quốc C. Khi khởi kiện ông Nguyễn Quốc C cư trú tại ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn ông Nguyễn Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, riêng bà E có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà E theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc C và bà Lê Kim E cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền mua bán lúa còn thiếu là 93.375.000 đồng.

[2.1]. Căn cứ biên bản hòa giải trách nhiệm dân sự ngày 02 tháng 10 năm 2020 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A xác định ông C còn thiếu tiền mua lúa của ông B là 117.875.000 đồng; sau đó ông C đã thanh toán cho ông B được số tiền 24.500.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại ông C còn nợ ông B số tiền 93.375.000 đồng; điều này được ông C thống nhất thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án. Ông C xác định số tiền 93.375.000 đồng là nợ riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà E và ông đồng ý thanh toán cho ông B số tiền này. Bà E vợ ông C cũng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B, đây là nợ riêng của ông C.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông B với ông C có giao dịch mua bán lúa với nhau xảy ra trên thực tế. Xét yêu cầu của ông B đối với ông C và bà E cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền mua bán lúa 93.375.000 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Bởi lẽ, ông C và bà E là vợ chồng hợp pháp (có đăng ký kết hôn) và hiện đang chung sống với nhau, làm kinh tế chung. Ông C là trụ cột kinh tế gia đình, lợi nhuận có được từ việc mua bán lúa là phục vụ chung cho cuộc sống gia đình, điều này được ông C, bà E thừa nhận. Mặc dù, quá trình giao dịch bà E không cùng ông C giao dịch với ông B, nhưng xét thấy nợ này phát sinh vì lợi ích chung trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của ông C, bà E. Cần buộc ông C, bà E cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông B, bà D số tiền mua bán lúa còn thiếu 93.375.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của ông B đối với ông C, bà E về số tiền 93.375.000 đồng.

[3.1]. Ông B yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà vợ chồng ông C, bà E còn nợ 93.375.000 đồng theo mức lãi suất 0,83% từ ngày 08/4/2021 (là ngày mà ông C ngưng thanh toán tiền mua lúa còn thiếu) đến khi trả xong nợ. Phía ông C cho rằng, việc ông mua lúa của ông B bán lại bị lỗ nên ông C không đồng ý yêu cầu lãi suất của ông B đối với ông.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông C, bà E chậm thanh toán tiền cho vợ chồng ông B đã ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông B. Từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu lãi suất của ông B đối với ông C, bà E về số tiền mua lúa còn thiếu. Do hai bên khi giao dịch mua bán không thỏa thuận lãi suất nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Tiền lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm và được tính như sau: 93.375.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 17 ngày = 7.414.285 đồng. Ngoài ra, ông C, bà E còn phải chịu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền mà ông C, bà E Ba thanh toán cho ông B, bà D.

[3.2]. Từ các căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông C, bà E. Buộc ông C, bà E có trách nhiệm thanh toán cho ông B, bà D tổng số tiền 100.789.285 đồng, trong đó tiền gốc 93.375.000 đồng và tiền lãi 7.414.285 đồng.

[4]. Về án phí:

Ông C, bà E phải chịu số tiền án phí 5.039.464 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B đối với ông Nguyễn Quốc C và bà Lê Kim E về tranh chấp hợp đồng mua bán lúa.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc C và bà Lê Kim E có trách nhiệm thanh toán cho ông Quách Văn B và bà Quách Thị D số tiền 100.789.285 đồng (một trăm triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc 93.375.000 đồng (chín mươi ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 7.414.285 đồng (bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Quốc C và bà Lê Kim E phải chịu số tiền án phí 5.039.464 đồng (năm triệu không trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi